

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 711 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2018

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

X) LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 40397.....

ĐỀ

Ngày: 23/11/2018 Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chuyển Đề Quyết

Lưu:

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13
trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với
Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo
hợp đồng từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cổng Thông tin điện tử
Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của
các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 30
ngày theo quy định.

Sau 30 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận
được ý kiến đóng góp nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ
tri soạn thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN (đề b/c),
các Vụ: KGVX, PL;
- TGĐ;
- Lưu: VT, DLĐT. H

CỤM QUỐC TẾ NỘI THẤT	
CÔNG TY CỔ PHẦN	
Số: 88024	Ngày: 26 tháng 11 năm 2018
Nơi trú: A. Dung	



BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2911 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị
xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật người lao động
Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

CỤC QLĐ NGOÀI NƯỚC
CÔNG VĂN ĐỀN
Số: 227/10
Ngày: 22 tháng 11 năm 2018
Nơi trình: Cục trưởng

CN Ngày: 21/11/2018 Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Lưu: Cục trưởng
Trả lời Công văn số 4324/LĐTBXH-QLDNN ngày 16/10/2018 của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề
nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt
Nam đi làm việc ở nước ngoài, Bộ Công an ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình:

a) Tại Điểm 2.2 Mục 4 dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung nội dung về
điều kiện của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đưa người lao
động đi làm việc ở nước ngoài là *không có tiền án về tội xâm phạm an ninh
quốc gia, không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự*.

b) Tại Điểm 6 Mục 4 dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung vào mục tiêu của
chính sách về tăng cường sự quản lý của chính quyền địa phương nơi cư trú
của người lao động làm việc ở nước ngoài; tăng cường công tác nắm tình hình
lao động đi làm việc ở nước ngoài, công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý
nhà nước.

2. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự án Luật

a) Tại một số nội dung thuộc các nhóm chính sách, việc đánh giá tác
động còn chưa chi tiết, đầy đủ, những tác động tích cực và tiêu cực đối với giải
pháp tại các nhóm chính sách chưa được nêu ra cụ thể, chưa có số liệu chi tiết
để chứng minh cho những mặt tích cực, tiêu cực mà nhóm chính sách mang lại;
ví dụ: giải pháp 2 tại nhóm chính sách 2 về điều chỉnh, cụ thể hóa quy định về
điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với ngành nghề “hoạt động dịch vụ đưa người
lao động đi làm việc ở nước ngoài” và giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người
lao động ở nước ngoài; giải pháp 2 tại nhóm chính sách 4 về điều chỉnh các
quy định về chi phí người lao động phải nộp...; do đó, đề nghị rà soát, bổ sung
những nội dung trên tại các chính sách trong dự thảo Báo cáo.

b) Tại giải pháp 2 của nhóm chính sách 2 về điều chỉnh, cụ thể hóa quy
định về điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với ngành nghề “hoạt động dịch vụ
đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” và giấy phép hoạt động dịch vụ

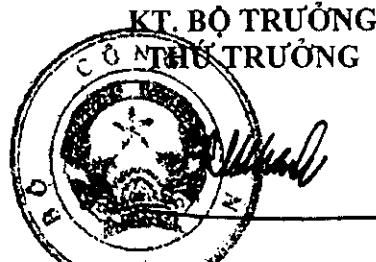
đưa người lao động ở nước ngoài có bổ sung quy định việc sửa thuật ngữ “vốn pháp định” thành thuật ngữ “vốn chủ sở hữu” và tăng mức vốn này lên 10 tỷ; tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì không có thuật ngữ vốn chủ sở hữu, do đó đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý hoặc có giải thích cụ thể nội dung khái niệm vốn chủ sở hữu để bảo đảm rõ ràng, chính xác. Đồng thời, việc tăng mức vốn chủ sở hữu cũng như tăng mức tiền ký quỹ sẽ ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này (kể cả các doanh nghiệp đang hoạt động), đó là cần cân nhắc tính hợp lý và có đánh giá cụ thể hơn tác động về kinh tế trong chính sách này.

c) Tại giải pháp 2 của nhóm chính sách 6 về điều chỉnh các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài có nội dung bổ sung quy định người lao động sau khi đi làm việc ở nước ngoài trở về phải thông báo với chính quyền địa phương nơi cư trú, việc quy định như trên sẽ phát sinh thủ tục hành chính, đồng thời đối với nhà nước sẽ phát sinh nhân lực và chi phí (giấy tờ, sổ sách...); do đó, cần cân nhắc việc đánh giá không phát sinh thủ tục hành chính và không phát sinh chi phí với Nhà nước tại giải pháp này.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Công an, xin gửi các đồng chí để nghiên cứu, tham khảo./. [W]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).



Thượng tướng Lê Quý Vương

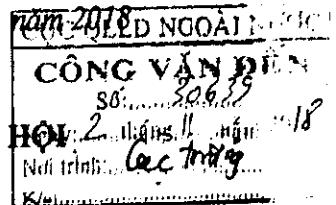
**HIỆP HỘI XUẤT KHẨU
LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 34/HHXKLĐ

V/v góp ý về hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi,
bổ sung Luật người lao động VN đi làm việc
ở NN theo HD

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018



Kính gửi: **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Phúc đáp công văn số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Quý Bộ về việc lấy ý kiến hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật người lao động VN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt Nam xin có ý kiến như sau:

• **Hồ sơ xây dựng Luật**

1. Hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật người lao động VN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung) được gửi lấy ý kiến bao gồm 4 tài liệu sau: Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Báo cáo tổng kết thi hành Luật và Đề cương dự thảo Luật. Như vậy số tài liệu trong hồ sơ gửi trình là đủ. Nội dung của từng tài liệu về cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu đặt ra kể cả nội dung và kết cấu. Sau khi tu chỉnh trên cơ sở tiếp thu các ý kiến tham gia góp ý, hồ sơ nêu trên có thể gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy trình.

• **Về Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung**

2. Tại tờ trình có đề cập tới 4 lý do Luật số 72 cần được đánh giá để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay (trang 3). Tuy nhiên nội dung này chưa đề cập tới các tác động khi VN tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới, sự hình thành khối cộng đồng kinh tế ASEAN, tác động của cuộc CM công nghiệp lần thứ 4, vấn đề số hóa đối với lao động di cư. Những tác động của các chính sách mới này lên vấn đề di cư lao động là không nhỏ, ảnh hưởng trực tiếp tới việc mở rộng hình thức đưa lao động đi làm việc ở NN và đổi mới phương thức quản lý hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài một cách căn bản phù hợp với những tiên bộ mới về khoa học công nghệ. Vì vậy báo cáo cần nhắc bổ sung thêm nội dung này.

3. Về quan điểm chỉ đạo xây dựng luật (trang 6), nên được viết rõ hơn, nhất là quan điểm 1.

Cân nhắc bổ sung thêm hai quan điểm sau:

a) *Thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về việc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả việc đưa người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài nhằm*

giải quyết việc làm, tạo thu nhập, nâng cao chất lượng nguồn lao động, tăng thu ngoại tệ và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Báo đảm tính khả thi khi áp dụng trên cơ sở công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính và sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan tới việc đưa người lao động VN đi làm việc ở nước ngoài.

4. Tại Mục V – Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua, nên được kết cấu theo hướng sau: (1) Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật; (2) Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật: (i) Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; (ii) Tổ chức thực hiện Luật sau khi ban hành; (iii) Nguồn kinh phí để triển khai Luật.

*** Báo cáo Tổng kết thi hành Luật người lao động VN đi làm việc ở NN**

5. Nội dung 9. Quỹ hỗ trợ Việc làm ngoài nước (trang 43) cần được phân tích đậm nét hơn, trong đó điểm a) Chi hỗ trợ mở rộng và phát triển thị trường lao động với tỷ lệ chi là 2,01% thì hiệu quả của hoạt động này được nhìn nhận như thế nào, đây là hoạt động rất cơ bản và có tỷ lệ chi thấp không cân đối với cơ cấu chung. Khoản chi này được hỗ trợ cho DN bao nhiêu khi mà các thị trường mới hầu như tự các DN khảo sát mà có; Tương tự chi cho đào tạo cũng được phân tích rõ hơn về hiệu quả của hoạt động này. Với số dư 165.825.255.666 đồng theo báo cáo là hợp lý hay không? Và có cần điều chỉnh việc đóng góp vào quỹ này hay không?

6. Nội dung III công tác quản lý nhà nước (trang 46), báo cáo nên bổ sung thêm nội dung nghiên cứu để thực hiện quản lý người lao động đi làm việc ở NN bằng mã số (khoản 4 Điều 69) thời gian qua được thực hiện như thế nào.

7. Đề cương Luật sửa đổi bổ sung.

Đề cương nên thiết kế rõ hơn các Điều Khoản đề tiệm theo dõi. Thí dụ:

Điều 1. (Tiêu đề là gì)

Khoản 1. Cần nêu tiêu đề và thể hiện các điểm sau trong nội dung

- a) Bổ sung Điều 61 Luật hiện hành các hình thức đi làm việc ở nước ngoài
 - *Hình thức hợp tác giữa các địa phương nước ngoài và địa phương Việt Nam;*
 - *Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo HĐCN thỏa thuận...*
- b) Bổ sung vào Điều 39: Tổ chức SN nhà nước...
- c) Sửa đổi và bổ sung Điều 40...
- d) Bổ sung vào các Điều 50, 51, 51, 52 và 53...

Như vậy với 17 khoản trong Đề cương dự thảo Luật đã đề cập nên được thể hiện rõ theo cách trình bày trên, cụ thể dự thảo Luật sẽ có bao nhiêu Điều được sửa đổi và bao nhiêu Điều được bổ sung để người đọc có ý kiến cần thêm

hoặc bớt nội dung nào cho phù hợp với 6 nhóm chính sách ban soạn thảo Luật đã đưa ra.

8. Báo cáo Đánh giá tác động

Nhất trí về cơ bản các nội dung trong dự thảo báo cáo; Tuy nhiên trong báo cáo có thể làm rõ thêm một số nội dung sau:

- Tại điểm 1.3 trang 4 khi đề cập tới hội nhập quốc tế nên có thêm tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới hoạt động này.
- Tại điểm 2.1 Mục tiêu chung (trang 5) nên bổ sung nội dung về tính khả thi khi áp dụng trong thực tiễn và tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật về đưa người lao động VN đi làm việc ở nước ngoài.
- Về đánh giá tác động của 6 nhóm chính sách phần đa mang tính định tính, chưa được lượng hóa ở một số khía cạnh nên thiếu tính thuyết phục và khi nếu các phương án được lựa chọn cần nêu rõ đã được đồng tình ở mức nào khi lấy ý kiến đối tượng chịu tác động hoặc các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách...

9. Một số nội dung cần được cân nhắc thêm

(1) Về vốn chủ sở hữu (trước là vốn pháp định).

Dự thảo đề xuất tăng từ 5 tỷ lên 10 tỷ, tuy nhiên việc luận giải trong báo cáo tác động tại các trang 16, 17 cần thuyết phục hơn.

(2) Tiền ký quỹ của doanh nghiệp

Dự thảo đề xuất tăng lên 2 tỷ hoặc 3 tỷ, trước là 1 tỷ. Với đề xuất này báo cáo tác động cần luận giải đầy đủ hơn hiện trạng trong thời gian qua. Thực tế cho thấy cho đến nay với quy định ký quỹ 1 tỷ, chưa có doanh nghiệp nào bị cơ quan nhà nước rút quỹ để bồi thường cho người lao động, các doanh nghiệp chủ động thương thuyết, giải quyết với người lao động và mọi vấn đề phát sinh đều đã được giải quyết cơ bản ổn thỏa. Việc tăng tiền ký quỹ lên 2 tỷ, với số lượng doanh nghiệp hiện có trên 300 thì đã có trên 6-7 trăm tỷ và nếu tăng lên 3 tỷ thì có khoảng 1 nghìn tỷ nằm ở ngân hàng không kỳ hạn, không đầu tư vào sản xuất kinh doanh dài hạn được, tạo nên sự động vốn không cần thiết, hạn chế việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho người lao động trong đào tạo, quản lý; thực thi các chính sách khen thưởng người lao động và cán bộ DN trong hoạt động này. Vì vậy cần nhắc nên giữ nguyên mức ký quỹ 1 tỷ như Luật số 72.

(3) Tiền ký quỹ của người lao động

Đề nghị giữ như quy định của Luật 72 và đưa nội dung quy định cụ thể trong Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 04-09-2007 vào Luật (hoặc Nghị định CP) để tránh gây phức tạp thêm cho NLĐ khi phải đến ngân hàng nộp tiền. Đồng thời xử phạt nghiêm DN vi phạm

(4) Về Giấy phép

Dự thảo đề xuất Quy định hạn giấy phép từ không thời hạn chuyển thành có thời hạn từ 3 năm hoặc 5 năm. Chúng tôi nhận thấy, đề xuất này là không cần thiết, chưa có cơ sở thực tiễn thỏa đáng và đi ngược lại xu thế cải cách hành chính, tạo thêm phiền hà cho DN.

Thực tiễn hơn mươi năm qua chưa có DN nào do giấy phép không ghi hạn mà cơ quan nhà nước không thể đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép nếu vi phạm đến mức pháp luật quy định

(5) Tiền môi giới

Dự thảo đề nghị thay đổi khái niệm này bằng khái niệm của Luật Thương mại năm 2005 theo đó “Tiền môi giới là chi phí do phía Việt Nam trả cho môi giới”. Khái niệm này không rõ các chủ thể phía Việt Nam ở đây là bao gồm các đối tượng nào và trách nhiệm của mỗi bên.

Khái niệm tiền môi giới quy định trong Luật Thương mại ban hành năm 2005 trong khi đó khái niệm tiền môi giới hiện đang áp dụng được quy định tại Điều 20 của Luật Người lao động VN đi làm việc ở NN theo hợp đồng được ban hành sau đó một năm (2006) cụ thể và rõ ràng phản ánh đúng bản chất khái niệm trong lĩnh vực này. Về nguyên tắc khái niệm được nêu trong văn bản quy phạm nào ban hành sau sẽ được áp dụng. Vậy dự thảo nên cân nhắc với đề xuất này.

Trên đây là các ý kiến đề quý Bộ tham khảo trong quá trình hoàn thiện hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung gửi Bộ Tư Pháp thẩm định theo quy trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLĐNN ;
- Lưu VPNN.



BỘ QUỐC PHÒNG

Số: *1331*/BQP-KTe

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật SĐBS một số điều của Luật
người lao động Việt Nam đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng

U LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2018

CỤC QLĐ NGOÀI NƯỚC

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: *5123*

Ngày: .../.../... tháng .../... năm 2018

Nơi trình: *Luc truong*

Ký:

Số: 193/Ts Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

ĐỀN Ngày: *17/11/2018*

Chuyên: *chuẩn*

Trả lời Phúc đáp Công văn số 4324/LĐTBXH-QLDNN ngày 16/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Bộ Quốc phòng có một số ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết xây dựng Luật:

Bộ Quốc phòng nhất trí với sự cần thiết xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, để đảm bảo đồng bộ, tương thích với các luật mới được ban hành trong những năm gần đây (Bộ luật lao động năm 2012, Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Đầu tư năm 2015,...); phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nội dung những điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Về nội dung cụ thể:

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số điểm như sau:

a) Đối với dự thảo Tờ trình:

Tại Mục II.1, đoạn văn thứ 2: Đề nghị cập nhật các nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đại hội XI, XII của Đảng. Hiện dự thảo vẫn trích dẫn các nội dung từ văn kiện Đại hội IX, X.

b) Đối với dự thảo Đề cương:

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trong Luật nội dung quy định về cơ chế, chính sách đặc thù trong ưu tiên tuyển chọn, đưa quân nhân, nhất là nhóm đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đi lao động ở nước ngoài.

- Tại khoản 11 Điều 1, dòng thứ 3: Đề nghị viết lại như sau: “**Sửa đổi Bổ sung** quy định về đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội”.

c) Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự án Luật: Đề đảm bảo tính khả thi của Luật, đề nghị đánh giá tác động của chính sách dựa trên khảo sát, nghiên cứu thực tế đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của Luật, đảm bảo đưa ra các giải pháp thiết thực, hiệu quả.

d) Đối với Báo cáo tổng kết thi hành Luật năm 2007:

- Tại Mục II.3.3 (trang 26):

+ Đề nghị bổ sung nội dung quy định rõ cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về vấn đề nêu tại Mục này để các cơ quan liên quan phối hợp thực hiện và thống nhất triển khai trong cả nước.

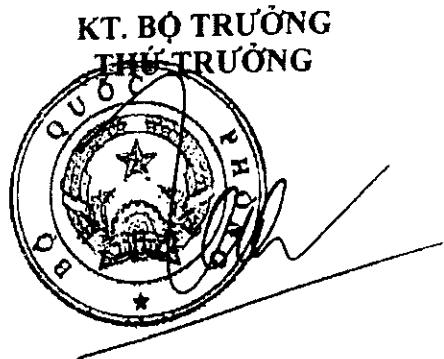
+ Đề nghị nghiên cứu quy định mô hình hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng khi có đủ điều kiện thành lập phù hợp với pháp luật nước sở tại, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc tại các công trình, dự án mà doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu, đầu tư ra nước ngoài.

- Tại Mục II.4.3 (trang 29): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về xử lý vi phạm đối với các tập thể, cá nhân môi giới có hành vi vi phạm trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Trên đây là ý kiến của Bộ Quốc phòng, xin gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- C17, C23, C56, C85;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Ban Công đoàn Quốc phòng;
- Bảo hiểm Xã hội BQP;
- Lưu VT, PC; Ng10.



Thượng tướng Lê Chiêm

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8023/BKHĐT-LĐVX

V/v lấy tham gia ý kiến đối với hồ sơ
xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật
người lao động Việt Nam đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 1994.0... Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ĐỀN Ngày: 18/11/

Chuyên: Phúc đáp công văn số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2018 của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đề nghị tham gia ý kiến đối với
Hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt
Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là Luật số 72), Bộ
Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) có một số ý kiến như sau:

1. Tại dự thảo Tờ trình, phần sự cần thiết sửa đổi Luật số 72 có nhận xét:
"Luật Đầu tư 2015 và văn bản hướng dẫn về đầu tư ra nước ngoài có nội dung
Bộ Kế hoạch Đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ LĐTBXH đối với các dự
án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.
Do đó, các dự án không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ
LĐTBXH không có thông tin để theo dõi, đôn đốc thực hiện báo cáo đưa người
lao động ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có đưa
lao động đi làm việc theo dự án đầu tư đó".

Tại Mục II.4.3 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật số 72 đưa ra
kiến nghị: Bổ sung quy định "Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp cho Bộ
LĐTBXH thông tin về các dự án đầu tư ra nước ngoài có sử dụng lao động Việt
Nam đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước
ngoài".

Tuy nhiên, Bộ KHĐT nhận thấy pháp luật về đầu tư hiện hành đã có quy
định việc cung cấp thông tin về các dự án ĐTRNN, cụ thể như sau:

- Luật Đầu tư 2015 quy định thủ tục đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN) thực
hiện theo chế độ đăng ký với Bộ KHĐT. Chỉ một số dự án có vốn lớn thuộc diện
trình Thủ tướng Chính phủ/Quốc hội chấp thuận chủ trương ĐTRNN mới thực
hiện thẩm định, lấy ý kiến các Bộ, ngành, trong đó có Bộ LĐTBXH.

- Theo quy định tại các Khoản 9 Điều 10, Khoản 9 Điều 12, Khoản 5 Điều
15, Khoản 5 Điều 17 Nghị định 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 quy định về
ĐTRNN, trong mọi trường hợp cấp mới hay điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hay
thẩm định, sau khi cấp GCNĐK ĐTRNN, Bộ KHĐT sẽ sao gửi GCNĐK
ĐTRNN đến các Bộ ngành liên quan, trong đó có Bộ LĐTBXH để có cơ sở theo
dõi và thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong phạm vi chức năng. Trên
thực tế, từ đầu năm 2016, các GCNĐK ĐTRNN do Bộ KHĐT cấp cho các tổ

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2018

CỤC QLLĐ NGOÀI NƯỚC
CÔNG VĂN ĐỀN
Số: 32/06
Ngày: 16 tháng 11 năm 2018
Nu. trình: Lưu trữ
K/c: ...

chức/cá nhân đầu tư ra nước ngoài đều được sao gửi cho các Bộ ngành và UBND tỉnh, trong đó có Bộ LĐTBXH.

2. Tại Mục II.4.2 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật số 72 có nêu một số hạn chế:

"Chưa có quy định cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan trong việc quản lý và hướng dẫn các doanh nghiệp trúng thầu và ĐTRNN thực hiện báo cáo khi đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc.

...Chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm và điều hành sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng để hướng dẫn và quản lý việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức này (cụ thể là Bộ KHĐT với hình thức ĐTRNN).

...Công tác theo dõi, quản lý hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương đối với các doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc theo các hình thức trúng thầu, nhận thầu, ĐTRNN v.v. hoàn toàn bị động, không thể thực hiện tốt, bởi những quy định hiện hành thiếu chặt chẽ, không thống nhất"

Tại Khoản 15 Điều 1 của dự thảo Đề cương Luật có nêu định hướng sửa Luật số 72 là: "Bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ KHĐT trong việc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài thực hiện việc báo cáo Bộ LĐTBXH khi dự án ĐTRNN có đưa lao động sang nước ngoài làm việc".

Tuy nhiên, Bộ KHĐT cho rằng, quy định về việc tổ chức, cá nhân ĐTRNN đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải báo cáo cho Bộ LĐTBXH đã được quy định tại Mục 3, Chương II, Luật số 72 (từ Điều 31 đến Điều 33). Pháp luật về đầu tư cũng đã quy định, cụ thể là Điều 22 Nghị định 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ (và trước đây là Điều 28 Nghị định 78/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của CP quy định về ĐTRNN), đã quy định nghĩa vụ của của nhà đầu tư là thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc đưa lao động Việt Nam làm việc cho dự án ĐTRNN; chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc đưa lao động Việt Nam làm việc cho dự án ĐTRNN và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bộ LĐTBXH có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện chế độ báo cáo khi đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài và quản lý, theo dõi việc thực hiện chế độ này.

Vì vậy, trường hợp thấy cần thiết, Bộ LĐTBXH có thể đề xuất lồng ghép nội dung phổ biến quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư về việc báo cáo đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài với Bộ LĐTBXH vào mẫu GCNĐK ĐTRNN do Bộ KHĐT phát hành (hiện tại mẫu GCNĐK ĐTRNN của Bộ KHĐT có một điều quy định quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, trong đó hiện đang ghi là tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam nói chung và một số quy định cụ thể riêng trong lĩnh vực đầu tư).

3. Về một số hạn chế khác được nêu tại Mục II.4.2 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật số 72:

3.1. Đối với hạn chế: "Khoản 2 Điều 31 Luật 72 quy định "Chi được đưa người lao động đi làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh do tổ chức, cá nhân thành lập ở nước ngoài". Tuy nhiên, Điều 52 Luật đầu tư quy định nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới các hình thức: "Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; thực hiện hợp đồng BCC ở nước ngoài; mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài; mua bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài; các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư".

Luật Đầu tư 2014 đang quy định 05 hình thức ĐTRNN, trong đó có 04 hình thức đầu tư trực tiếp ra nước ngoài do Bộ KHĐT cấp GCNĐK ĐTRNN (Điểm a, b, c, đ Khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư 2014); còn hình thức còn lại (Điểm d Khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư 2014) do Ngân hàng nhà nước quản lý. Tuy nhiên, Luật số 72 mới quy định về việc tổ chức/cá nhân ĐTRNN đưa lao động ra nước ngoài đối với hình thức thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài (Điểm a Khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư 2014). Do đó, đề nghị Bộ LĐTBXH nghiên cứu mở rộng hình thức đưa lao động ra nước ngoài đối với các hình thức ĐTRNN còn lại cho phù hợp với quy định pháp luật.

3.2. Đối với hạn chế: "Điều 34 Nghị định 83/2015 ngày 25/9/2015 quy định về ĐTRNN quy định Bộ LĐTBXH có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ KHĐT và các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách về quản lý sử dụng lao động Việt Nam liên quan đến hoạt động ĐTRNN; kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền đối với việc lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án ĐTRNN; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án ĐTRNN theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 của Luật Đầu tư". Nội dung nêu trên mới mang tính liệt kê; đề nghị cần bổ sung phân tích rõ hạn chế là gì.

4. Tại Mục II.4.3 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật số 72 có nêu kiến nghị: "Bổ sung quy định về hồ sơ đối với tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài để tránh "lách luật" (như bổ sung giấy tờ cho phép đưa lao động Việt Nam sang làm việc tại dự án do cơ quan có thẩm quyền của nơi tiến hành dự án đầu tư cấp)"

Bộ KHĐT thấy rằng hồ sơ đăng ký cấp GCNĐK ĐTRNN quy định tại Luật Đầu tư 2014 không có nội dung này (gây ra xung đột Luật). Ngoài ra, GCNĐK ĐTRNN chỉ chứng nhận nội dung đăng ký dự kiến của nhà đầu tư. Do đó, đối với lao động Việt Nam thực tế đưa ra nước ngoài, tùy theo nhu cầu của nhà đầu tư trong thời điểm triển khai dự án, nhà đầu tư nên đăng ký trực tiếp với Bộ LĐTBXH. Một khía cạnh khác là việc cấp GCNĐK ĐTRNN có thể dẫn đến phát sinh thủ tục hành chính và chi phí.

5. Tại mục II.7.2 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật số 72 có nêu hạn chế "hầu hết các địa phương không nắm được số lượng lao động về nước (cả lao động hoàn thành hợp đồng và lao động về trước hạn)". Để khắc phục hạn chế này, đề nghị cần đề xuất thêm giải pháp thống kê được số liệu về lao động trở về nước thông qua các kênh thông tin, báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan (như doanh nghiệp dịch vụ, cơ quan quản lý nhà nước về lao động...) bên cạnh giải pháp yêu cầu lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi trở về nước phải thông báo với địa phương nơi cư trú.

6. Tại Điều 1 của dự thảo Đề cương Luật, đối với quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 về nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh, giấy phép hoạt động dịch vụ cho doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh, quy định về chi nhánh, đề nghị bổ sung "đảm bảo đúng quy định của Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp"; Đối với quy định tại Khoản 11 về việc bổ sung quy định xử phạt đối với trường hợp bô hợp đồng ra ngoài làm việc và cư trú bất hợp pháp, đề nghị làm rõ về đề xuất hình phạt không phải hành chính.

7. Đối với chính sách 6 nêu trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đề nghị cần xem xét lại nhận định về tác động của giải pháp 2 là không làm phát sinh mới thủ tục hành chính, chi phí đối với người lao động; vì khi bổ sung quy định về điều kiện và hồ sơ để người lao động đi làm việc ở nước ngoài và trở về nước phải thông báo với chính quyền địa phương nơi cư trú sẽ phát sinh thủ tục hành chính, chi phí đối với người lao động.

Xin chuyển quý Bộ đề nghiên cứu, tổng hợp./*Huy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐTNN; ĐKKD; Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ LĐVX (C6).



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4436/BTP-PLDSKT

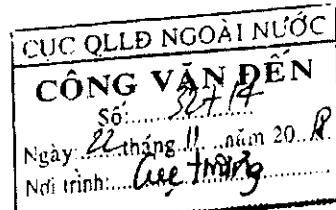
V/v: góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật sửa đổi, bổ sung Luật người
lao động Việt Nam đi làm việc ở
nước ngoài theo hợp đồng

Số: số 63...

ĐỀ Nظر Ngày: 21/11/2018

Chuyển: Nguyễn Văn A

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2018



Lưu: Trả lời Công văn số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (gọi chung là đề nghị xây dựng luật), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. Qua hơn 10 năm thi hành, Luật này cơ bản đã đi vào cuộc sống, tạo lập hành lang pháp lý bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua thời gian thi hành Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 đã bộc lộ 07 nhóm hạn chế, bất cập nêu tại dự thảo Tờ trình (trang 4, 5, 6). Bộ Tư pháp nhất trí với những bất cập, hạn chế này.

Nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về thị trường lao động và quan hệ lao động, việc làm; cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về quyền công dân về lao động, việc làm, tiền lương và đảm bảo an sinh xã hội; đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan; giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Với 6 chính sách đã nêu tại Báo cáo đánh giá tác động, Bộ Tư pháp thấy rằng, số lượng điều, khoản phải sửa đổi là khá lớn. Bởi vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật cân nhắc phương án lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi thay thế Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006.

II. Về sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Các chính sách trong đề nghị xây dựng luật phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về lao động, việc làm, quan hệ lao động và thị trường lao động; Chỉ thị số 41/CT-TW ngày 22 tháng 9 năm 1998 của Bộ Chính trị về xuất khẩu và chuyên gia; Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 8 tháng 5 năm 2012 của Ban

Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương; Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết của các Hội nghị Ban chấp hành Trung ương về thúc đẩy xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước, trong đó, có thể chế thị trường lao động và quan hệ lao động; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã khẳng định tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; giám sát thường xuyên, tăng cường công tác dự báo về năng suất lao động, xuất khẩu lao động tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị Trung ương thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

III. Về hồ sơ lập đề nghị xây dựng luật

1. Báo cáo đánh giá tác động đưa ra 6 chính sách đề xuất. Tuy nhiên, một số nội dung đánh giá chính sách mới chỉ thể hiện theo hướng đặt vấn đề và dự kiến nội dung để sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài mà chưa đánh giá đầy đủ các chi phí (tiêu cục, tích cục), lợi ích (tiêu cục, tích cục) theo các yếu tố đánh giá tác động quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và yếu tố tác động tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như:

- Về chính sách 1: mở rộng và điều chỉnh hình thức đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Chưa đánh giá tác động và làm rõ vai trò, trách nhiệm, tổ chức thực hiện của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức sự nghiệp thuộc địa phương trong việc thỏa thuận với nước tiếp nhận về hợp tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức mới nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và chưa phân tích về các chi phí (tiêu cục, tích cục), lợi ích (tiêu cục, tích cục) của việc thực hiện nội dung chính sách này.

- Về chính sách 2: điều chỉnh, cụ thể hóa quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề “hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” và giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Chính sách này đã được quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006, không phải là chính sách mới. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật vẫn đánh giá tác động chính sách này, nhằm cụ thể hóa các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề “hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” và giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó, có đề xuất nâng mức vốn chủ sở hữu lên 10 tỷ đồng. Tuy vậy, Báo cáo đánh giá tác động chưa phân tích rõ về chi phí (tiêu cực, tích cực), lợi ích (tiêu cực, tích cực) của việc thực hiện nội dung này. Đề nghị đánh giá kỹ tác động về chi phí, lợi ích và sự cần thiết của việc nâng mức vốn, trong khi, doanh nghiệp cũng đã đóng một khoản tiền ký quỹ để đảm bảo quyền lợi của người lao động.

- Về chính sách 4: điều chỉnh các quy định về chi phí người lao động phải nộp phù hợp với thực tế thị trường, xu hướng quốc tế, bảo đảm trách nhiệm của doanh nghiệp với người lao động

Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật lựa chọn theo giải pháp thứ hai, nhằm điều chỉnh tên gọi, định nghĩa và cách thức thực hiện các khoản chi phí, trong đó có tiền dịch vụ. Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động mới chỉ đánh giá về phía doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hướng, cho phép thu tiền dịch vụ theo các giai đoạn tính theo tỷ lệ phần trăm (sau khi trúng tuyển, sau khi được cấp visa, sau khi ký hợp đồng...) mà chưa đánh giá tác động về quyền lợi của người lao động. Do đó, đề bào đảm cả nghĩa vụ và quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động, đề nghị bổ sung đánh giá tác động đối với người lao động trong trường hợp này.

- Về chính sách 5: mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

+ Theo Báo cáo đánh giá tác động, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật lựa chọn giải pháp thứ 2, mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước nhằm: (1) Củng cố, mở rộng và phát triển thị trường; (2) nâng cao chất lượng nguồn lao động (bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng); (3) hỗ trợ các hoạt động mang tính chất phòng ngừa rủi ro khi đi làm việc ở nước ngoài; (4) Hỗ trợ giải quyết rủi ro cho doanh nghiệp và người lao động; (5) Phổ biến chính sách, pháp luật

(Trang 28). Tuy nhiên, các nội dung (1), (2) và (4) nêu trên đã được quy định tại Điều 66 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài năm 2006. Theo đó, chỉ có nội dung (3) và (5) là nội dung mới. Vì vậy, đề nghị làm rõ và tách bạch các chính sách đang được thực hiện theo quy định hiện hành và các chính sách mới cần đề xuất so với quy định hiện hành để đánh giá đầy đủ các yếu tố tác động trong việc mở rộng phạm vi hoạt động và chi từ Quỹ này.

+ Tại Báo cáo đánh giá tác động, đề xuất dự kiến tăng chi từ Quỹ: (1) dự kiến mỗi năm chi (chiếm 56,6% tổng chi) cho 5 doanh nghiệp khai thác thị trường mới, 50 cán bộ doanh nghiệp đi tìm kiếm thị trường, giải quyết phát sinh, 40 cán bộ của các cơ quan đi tìm hiểu thị trường để xây dựng, sửa đổi chính sách, tổ chức 06 hội nghị, hội thảo, sự kiện văn hóa cho người lao động, 15-20 cơ quan báo chí được hỗ trợ làm công tác tuyên truyền và 04 đoàn ra nước ngoài đưa tin viết bài, in ấn các tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, thuê văn phòng quản lý lao động...; (2) chi hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ doanh nghiệp, dự kiến chi 0,3 tỷ đồng để tổ chức 02 lớp tập huấn; (3) chi hỗ trợ giải quyết rủi ro cho người lao động và doanh nghiệp (chiếm 16,1% tổng chi) và các nội dung chi... Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động lại chưa làm rõ việc đưa ra các nội dung dự kiến chi, mức chi nêu trên là dựa trên cơ sở nào; chưa dự tính đến khả năng an cân đối Quỹ.

+ Việc mở rộng phạm vi hoạt động và hỗ trợ từ Quỹ có thể phát sinh thủ tục hành chính trong việc thực hiện quy trình và thủ tục chi các hoạt động hỗ trợ từ Quỹ này. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng lại cho rằng, chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính là chưa chính xác. Vì vậy, đề nghị bổ sung đánh giá thủ tục hành chính đối với nội dung chính sách này.

2. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng luật

Mục V dự thảo Tờ trình có nêu việc sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài không làm phát sinh các điều kiện về nguồn nhân lực và nguồn tài chính để thực hiện. Sau khi Luật này được thông qua, các cơ quan vẫn sử dụng nguồn nhân lực và nguồn tài chính hiện có để triển khai thực hiện. Chính phủ và cơ quan trình vẫn sử dụng bộ máy, nhân lực đang làm công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và nguồn kinh phí hiện có. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật mới chỉ đánh giá nguồn lực, điều kiện bảo đảm về phía cơ quan quản lý nhà nước mà chưa đánh giá nguồn lực điều kiện bảo đảm về phía doanh nghiệp, người lao động. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật bổ sung đánh giá nguồn lực, điều kiện bảo đảm của doanh nghiệp và người lao

động trong việc thực hiện các chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng luật và các chính sách mới phát sinh.

3. Dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Thành viên. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật bổ sung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Qua nghiên cứu Báo cáo tổng kết thi hành Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 (Báo cáo tổng kết), Bộ Tư pháp thấy rằng, ngoài 6 chính sách nêu tại Báo cáo đánh giá tác động thì còn có các chính sách khác cần được nghiên cứu đánh giá bổ sung trong đề nghị xây dựng luật như: điểm 4.2 Mục II Báo cáo tổng kết có nêu những quy định về hợp đồng lao động giữa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trung thầu, nhận thầu, đầu tư ra nước ngoài không phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn. Chưa rõ chính sách tiền lương cho lao động khi ra nước ngoài làm việc; quyền và trách nhiệm của các bên trong việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chưa phù hợp với tinh chất đặc thù riêng (quan hệ lao động phát sinh bên nước ngoài), cũng chưa phù hợp với quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 và đề xuất cần bổ sung những quy định cụ thể về nội dung hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp trung thầu, nhận thầu, đầu tư ra nước ngoài với người lao động đi làm việc ở nước ngoài với những doanh nghiệp này (điểm 4.3 mục II). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng luật tiếp tục rà soát các chính sách với các văn bản hiện hành, thực tiễn thi hành để đề xuất bổ sung các chính sách cho phù hợp, đảm bảo khi đề nghị xây dựng luật này được thông qua không phát sinh thêm chính sách mới.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp đối với đề nghị xây dựng luật sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, xin gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ VĐCXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLLĐ&ASXH "T").



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14711/BTC-HCSN
V/v Tham gia ý kiến ý kiến hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2018

TRƯỞNG QLLD NGOÀI NƯỚC
CÔNG VĂN ĐỀN
Số: 3483
Ngày: 27 tháng 11 năm 2018
Võ trinh: A. Dung

LÀO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 00676. Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ✓
ĐỀN Ngày: 28/11/2018
Chuyên: 01/AMV.

Lưu: Trả lời công văn số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ý kiến hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Bộ Tài chính có ý kiến tham gia như sau:

I. Về các nội dung dự kiến sửa đổi

1. Chính sách 1: Việc mở rộng đối tượng và hình thức đi làm việc ở nước ngoài góp phần tăng cơ hội việc làm cho người lao động, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp; do đó mang lại nguồn thu nhập cho đất nước và gia đình người lao động. Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc mở rộng không làm phát sinh chi phí cho Nhà nước là chưa phù hợp; lý do: Theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số điều về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ xuất khẩu lao động các huyện nghèo giai đoạn 2009-2020, Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 thì người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo, hộ cận nghèo; thân nhân của người có công với cách mạng; hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người lao động cư trú dài hạn tại các huyện nghèo 30a, xã đặc biệt khó khăn vùng bắc ngang ven biển và hải đảo được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và các chi phí có liên quan khi xuất cảnh. Người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động được hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ. Kinh phí thực hiện hỗ trợ được bố trí từ ngân sách nhà nước. Ngoài ra, người lao động nếu thuộc đối tượng sẽ được vay vốn với lãi suất bằng lãi

suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định. Theo đó, hàng năm, ngân sách nhà nước sẽ phải cấp bù chênh lệch lãi suất và chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Trường hợp mở rộng đối tượng và hình thức đi làm việc ở nước ngoài sẽ làm tăng số người được hỗ trợ, do đó sẽ làm tăng chi ngân sách nhà nước.

Vì vậy, đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đánh giá lại tác động của chính sách này tới ngân sách nhà nước, dự kiến cụ thể số tăng chi để đảm bảo tính chính xác.

2. Chính sách 2: Điều chỉnh, cụ thể hóa quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Việc quy định tăng mức vốn chủ sở hữu lên 10 tỷ đồng sẽ sàng lọc các doanh nghiệp có năng lực về tài chính, theo đó sẽ đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc ở nước ngoài tốt hơn, người lao động cũng sẽ yên tâm, tin tưởng khi lựa chọn đi làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thường duy trì mức vốn 5-6 tỷ đồng, do vậy việc quy định tăng vốn chủ sở hữu lên 10 tỷ đồng cần được đánh giá tổng thể trên một số tiêu chí như số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, tình hình hoạt động chung của các doanh nghiệp, khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường của các doanh nghiệp, việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

- Về tăng mức tiền ký quỹ: Tiền ký quỹ là phần đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc ở nước ngoài. Theo hồ sơ, việc tăng tiền ký quỹ sẽ được sử dụng để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến người lao động do doanh nghiệp tuyển chọn, đưa đi, không bù hép ở giải quyết đưa lao động về nước... Do vậy, đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội bổ sung tổng hợp sơ bộ về các trường hợp sử dụng tiền ký quỹ trong thời gian qua vào trong dự thảo Tờ trình Chính phủ để có cơ sở để xuất nâng mức ký quỹ lên 2 tỷ đồng (nếu vốn chủ sở hữu là 5 tỷ đồng), 3 tỷ đồng (nếu vốn chủ sở hữu là 10 tỷ đồng), cũng như các trường hợp phát sinh khác mà hồ sơ dự kiến sẽ dùng tiền ký quỹ để giải quyết, đảm bảo được quyền lợi và điều kiện lao động của người lao động.

Ngoài ra, đề nghị bổ sung báo cáo về tổng số tiền ký quỹ và tình hình sử dụng tiền ký quỹ hiện nay của doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu cơ chế phân chia tiền ký quỹ thành các mức khác nhau căn cứ vào thị trường, số lượng lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài và mức độ tuân thủ pháp luật của từng doanh nghiệp.

3. Chính sách 5. Mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước.

Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước chưa thực sự hiệu quả; số chi hàng năm đạt thấp (chi bằng khoảng 1/5-1/6 số thu, trừ một số năm có biến động lớn, người lao động phải về nước do nội chiến..). Quỹ có nhiều nội dung chi nhưng kết quả còn thấp; một số nội dung chi gần như chưa thực hiện như hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động; hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước.

Do vậy, đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội rà soát để quy định các nội dung chi của Quỹ đảm bảo hiệu quả, tăng khả năng phòng ngừa, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động; không đề xuất các nội dung chi thuộc chức năng quản lý nhà nước (bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chi phò biến chính sách, pháp luật) và nội dung chi trùng với nội dung chi của ngân sách nhà nước (hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động; hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước..).

II. Về dự kiến nguồn tài chính thực hiện Luật.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia tại Mục I nêu trên, đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội rà soát, dự kiến nguồn tài chính khi thực hiện các chính sách đề xuất tại hồ sơ xây dựng Luật, trong đó bổ sung căn cứ tính toán và số kinh phí ngân sách nhà nước tăng thêm làm cơ sở để Bộ Tài chính đánh giá về nguồn tài chính khi ban hành Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính đề Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Các Vụ: NSNN, PC;
- Cục TCDN;
- Lưu: VT, HCSN (7b).



BỘ NGOẠI GIAO

Số: 4549/BNG-LS

V/v lấy ý kiến hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

HỎA TỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

CỤC QLĐ NGOÀI NƯỚC	
CÔNG VĂN ĐỀN	
Số:	329
Ngày:	16 tháng 11 năm 2018
Nội dung: Lai trưởng	

Kính gửi: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
(Cục Quản lý Lao động ngoài nước)

Phúc Công văn 434/LĐTBXH-QLLDNN ngày 16/10/2018 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam (NLĐVN) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Luật số 72), Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

Bộ Ngoại giao nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi bổ sung Luật số 72, khắc phục những hạn chế đã bộc lộ trong thời gian qua; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài cũng như công tác quản lý NLĐVN của các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Sự cần thiết này cũng đã được khẳng định tại Báo cáo số 1668/BC-UBCVDDXH14 ngày 18/10/2018 của Ủy ban về các vấn đề xã hội về kết quả giám sát chuyên đề NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2010-2017 và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam giai đoạn 2013-2017.

2. Về dự thảo đề cương Luật sửa đổi bổ sung Luật số 72:

- Nội dung “*Bổ sung quy định về đăng ký đối với các trường hợp tìm được việc làm ở nước ngoài sau khi xuất cảnh (dự kiến: đăng ký với cơ quan đại diện lãnh sự, ngoại giao Việt Nam – CQĐD ở nước sở tại)*” (Điều 1.1), cần làm rõ việc đăng ký này là đăng ký công dân (hiện nay đã có quy định) hay là đăng ký hợp đồng lao động (CQĐD hiện nay không có chức năng này). Theo quy định hiện nay, NLĐVN ở nước ngoài được đăng ký công dân với CQĐD để được Nhà nước ta bảo hộ (không phân biệt công dân ra nước ngoài với mục đích gì). Nếu là đăng ký hợp đồng lao động thì nội dung này là không phù hợp vì hợp đồng lao động là thỏa thuận làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa người lao động với chủ sử dụng lao động theo quy định của pháp luật nước sở tại, nếu quy định bắt buộc công dân phải đăng ký hợp đồng lao động với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần đánh giá cơ sở pháp lý và mục đích cụ thể của giải pháp này.

- Nội dung “*Bổ sung quy định về chuyển giao giấy phép trong trường hợp công ty mẹ chuyển giao công ty con*” (Điều 1.4), đề nghị đối chiếu với pháp luật doanh nghiệp;

- Nội dung “*Bổ sung hình phạt (không phải hành chính) đối với trường hợp bỏ hợp đồng ra ngoài làm việc và cư trú bất hợp pháp*” (Điều 1.16) đề nghị cân nhắc chế tài xử lý thật chặt chẽ và khả thi đối với NLĐVN trong trường hợp này vì đây đang là khâu yếu nhất dẫn đến tình trạng lao động bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp (đặc biệt là tại Hàn Quốc, Nhật Bản,...)

3. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật số 72.

3.1 Đối với Chính sách 1:

- Liên quan đến công dân xuất cảnh sau đó ký hợp đồng lao động ở nước ngoài tại Chính sách 1, các văn bản trong hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật số 72 hiện nay cũng chưa làm rõ được nhu cầu thực tiễn, quyền lợi của người lao động và mục đích quản lý nhà nước của Chính sách 1. Có quan điểm cho rằng hầu hết quyền và nghĩa vụ của NLĐVN theo hợp đồng cá nhân (Điều 53 Luật số 72) là không có ý nghĩa thiết thực đối với người lao động (vì đều đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác). Đề xuất mở rộng đối tượng của Luật nên được đánh giá cụ thể về lợi ích đối với NLĐVN và đối với công tác quản lý nhà nước; mặt khác, đề nghị bổ sung đánh giá tác động của thủ tục hành chính mới (đăng ký của người lao động với cơ quan quản lý nhà nước) phát sinh từ chính sách mở rộng đối tượng của Luật này.

Đề nghị Quý Bộ bổ sung đánh giá, tổng kết về thực tiễn triển khai Mục 2 Luật số 72 về “người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân” để có cơ sở đánh giá tính khả thi của việc “mở rộng và điều chỉnh hình thức đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để bảo đảm moi lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đều được quy định trong luật” tại Chính sách 1.

- Liên quan đến nội dung đề xuất mở rộng đối tượng tham gia ký Thỏa thuận lao động là các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Bộ, ngành, đề nghị bổ sung đánh giá tác động về kinh tế đối với nhà nước trong trường hợp này, do phát sinh chi phí duy trì bộ máy theo dõi, quản lý việc thực hiện Thỏa thuận quốc tế về hợp tác lao động của địa phương.

- Ngoài ra, dự thảo đề cập đến các hình thức dịch chuyển lao động theo hình thức cá nhân như hoạt động dịch chuyển lao động vùng biên giữa Việt Nam và các nước Lào, Thái Lan, Trung Quốc... (tại mục II.1.1); lao động xuất cảnh hợp pháp theo các mục đích không phải lao động sau đó ở lại và tìm được việc làm để cư trú và làm việc hợp pháp. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều NLĐVN lợi dụng chính sách miễn thị thực tại một số nước ASEAN, nhập cảnh với mục đích

du lịch và sau đó lao động bất hợp pháp tại nước sở tại. Vì vậy, đề nghị cần nhắc lược bỏ những hình thức dịch chuyển lao động này tại Mục II.1.1 để tránh hiểu nhầm rằng Luật sửa đổi Luật số 72 sẽ điều chỉnh cả lao động tự do, lao động bất hợp pháp ở nước ngoài.

- Đối với giải pháp 2 của Chính sách 1: đề nghị bỏ nội dung về *đăng ký với cơ quan đại diện lãnh sự, ngoại giao tại nước sở tại, đăng ký với Bộ LĐTBXH qua hình thức online.....* (đã phân tích tại mục 2 công văn này);

3.2 Đối với chính sách 2:

Về giải pháp 2, Báo cáo chưa nêu vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện các quy định hiện hành về mức vốn chủ sở hữu và mức ký quỹ của doanh nghiệp; chỉ nêu bất cập về sự thay đổi thuật ngữ (“vốn pháp định” thành “vốn chủ sở hữu”). Do đó, đề nghị bổ sung giải trình về phần này trong mục Xác định vấn đề bất cập đối với điều kiện về vốn pháp định.

Ngoài ra, Bộ LĐTBXH đề xuất quy định đính chính giấy phép khi thay đổi nội dung trong đăng ký doanh nghiệp. Đề nghị điều chỉnh thành “sửa đổi, bổ sung” để đảm bảo phù hợp với mục tiêu của quy định. Thuật ngữ “đính chính” thường được sử dụng trong trường hợp giấy phép có sai sót về kỹ thuật.

3.3 Đối với chính sách 4:

Để đảm bảo minh bạch, tránh lạm dụng thu phí dịch vụ, gây áp lực tài chính lên người lao động, đề nghị Quý Bộ tham khảo quy định của các nước trong khu vực như Thái Lan, Phi-lip-pin trong việc quy định các khoản Tiền môi giới, Tiền dịch vụ, Tiền ký Quỹ, Quy định phí theo thời hạn hợp đồng thực tế, Mức khung tổng chi phí mà doanh nghiệp được phép thu.

3.4 Đối với chính sách 5:

Theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước 2015 (Khoản 11 Điều 8): Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 67, Luật số 72, một phần nguồn hình thành Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước là “hỗ trợ của ngân sách nhà nước”. Do vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát nội dung trên, đảm bảo việc quy định nguồn hình thành Quỹ phù hợp với pháp luật hiện hành.

3.5 Đối với chính sách 6:

Về Giải pháp 2, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất tăng nặng hình phạt hoặc bổ sung 01 điều xử phạt (không phải là xử phạt hành chính) đối với các trường hợp lao động bỏ trốn khỏi nơi làm việc, có đủ chế tài để khởi kiện NLĐ và người bảo lãnh cho lao động. Đề nghị Quý Bộ đánh giá và bổ sung thêm các luận điểm đảm bảo nội dung này có khả năng thực thi trên thực tế, thể hiện rõ

bản chất pháp lý của quy định về xử phạt được đề xuất bổ sung nhằm cưỡng chế người lao động nộp phạt bồi thường do vi phạm hợp đồng với doanh nghiệp.

4. Về Báo cáo Tổng kết thi hành Luật số 72.

Bất cập chủ yếu trong công tác bảo hộ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng những năm qua trực tiếp thuộc về trách nhiệm của các công ty phái cử (như trách nhiệm báo cáo các cơ quan chức năng trong và ngoài nước, chạy theo lợi nhuận, thiếu trách nhiệm bảo hộ người lao động ở nước ngoài...); ngoài ra là việc xử lý vi phạm hành chính người lao động vi phạm hợp đồng không đủ tính răn đe, phòng ngừa. Do vậy, các nội dung tổng kết cần tập trung đề xuất các giải pháp để giải quyết những bất cập này của công ty phái cử và người lao động.

Đề xuất thành lập Ban quản lý lao động tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài là không phù hợp và gây gánh nặng ngân sách, không phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 6 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và . Do vậy, đề nghị không đưa đề xuất này trong hồ sơ xây dựng dự thảo Luật sửa đổi bổ sung Luật số 72.

Tại Mục II, đề nghị bổ sung (i) tổng hợp thông tin về tình trạng thiếu trách nhiệm của nhiều công ty phái cử trong việc bảo hộ lao động ở nước ngoài; (ii) thông tin về việc Quỹ hỗ trợ lao động (thuộc quản lý của Cục Quản lý lao động ngoài nước) có quy định về việc hỗ trợ bảo hộ lao động hay không; (iii) xác minh lại thông tin cho rằng hầu hết các nước không cho phép doanh nghiệp đặt Văn phòng quản lý lao động tại sở tại hoặc cử cán bộ đại diện Việt Nam sang làm việc (có thông tin do doanh nghiệp ngai cử cán bộ vì sẽ phát sinh chi phí chứ không hẳn là do nước sở tại không cho phép).

Tại Mục II.6 về NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài, đề nghị cân nhắc bổ sung thông tin cụ thể về một số thị trường tiếp nhận NLĐVN, trong đó nêu rõ khó khăn cũng như yêu cầu đặc thù của từng thị trường (Ví dụ: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất...).

Tại điểm 2.2 Mục III, nội dung “các cơ quan đại diện ...tập trung xử lý khi đã phát sinh; ...nhưng đối với người lao động theo hợp đồng lại phải mất thời gian và thủ tục để xác minh từ công ty hoạt động dịch vụ đưa đi, cam kết của Cục Quản lý lao động ngoài nước ...mới có thể sử dụng Quỹ để hỗ trợ, giải quyết đưa công dân về nước” là không chính xác, chưa đúng về mục đích của Quỹ bảo hộ công dân (Quỹ BHCD). Khác với mục đích của Quỹ BHCD được chỉ cho những trường hợp đặc biệt, đột xuất trong khi đối với NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài là theo hợp đồng, quy định trách nhiệm của công ty phái cử lao động, khi cần chính các công ty này (thay vì người nhà của công dân) làm

thủ tục tạm ứng tại Quý. Theo đó, đề nghị chỉnh sửa lại nội dung này phù hợp với thực tế nêu trên. Ngoài ra, tại trang 47 Mục III.2.2, đề nghị chỉnh sửa kỹ thuật như sau... (hiện ta mới mở 67 Đại sứ quán, 23 Tông Lãnh sự quán và 07 Cơ quan Lãnh sự danh dự trên toàn thế giới có 94 Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài).

5. Về đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

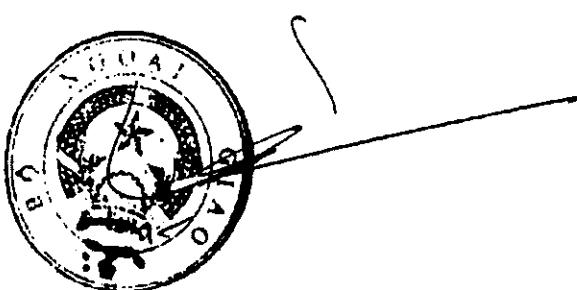
Phù hợp với quy định tại Điều 34.1.b và Điều 39.3.d Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (Luật BHVBQPPL 2015), đề nghị Quý Bộ bổ sung nội dung nghiên cứu, đánh giá tính tương tích với các điều ước quốc tế (đặc biệt là các điều ước quốc tế về di chuyển thể nhân hoặc thương di chuyển thể nhân trong các hiệp định thương mại) mà Việt Nam là thành viên.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi đề Quý Bộ tổng hợp. / *Yết*

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: HC, LS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Quang Vinh

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5254/BNV-PC

V/v góp ý đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

LÀU ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 18944

Ngày: 30/10/2018

Chuyên: An ninh

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

CỤC QLTD NGOÀI NƯỚC

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 50160

Ngày: 31 tháng 10 năm 2018

Nơi trình: Cục trưởng

Kính gửi: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

ĐỀN

Lưu: Trả lời công văn số 4324/LĐTBXH-QLDNN ngày 16/10/2018 của Bộ

Lao động- Thương binh và Xã hội về việc góp ý đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Bộ Nội vụ nhất trí với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ

Phạm Đức Toàn

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

Kee P. PC Tr (c.Thúy)
tổng hợp, đk nkt./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 763/TTr-CSLD
V/v góp ý hồ sơ xây dựng sửa đổi luật

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2018

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số 303/TT-BLĐTN
Ngày 6 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước

CC: Thúy
Số 6/11/2018
Làm việc ngày 16 tháng 10 năm 2018
Thực hiện yêu cầu của Bộ tại văn bản số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN
về việc lấy ý kiến hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ, Thanh tra có ý kiến như sau:

- Thống nhất với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật và Tờ trình đề nghị xây dựng Luật.
- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong đề cương dự thảo dự án Luật tại Điều 1, cụ thể như sau:
 - Bổ sung nội dung sửa đổi khoản 3 Điều 7 của Luật hiện hành vào đề cương dự thảo dự án Luật theo hướng:
 - Cần quy định rõ giao nhiệm vụ điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc cho ai, giữ chức vụ gì (người đại diện theo pháp luật hay Tổng Giám đốc/Giám đốc Công ty hoặc Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh), để như Luật hiện hành không xác định được người được giao nhiệm vụ điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là người có chức vụ gì.
 - Bổ nội dung giao nhiệm vụ điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài cho người đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên do vi phạm quy định của pháp luật về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Lý do: Hành vi vi phạm này là của cá nhân, cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp khó xác định được, vì vậy quy định trong Luật nội dung này chỉ mang tính hình thức, không khả thi.

- Bổ sung nội dung sửa khoản 1 Điều 11 của Luật hiện hành vào đề cương dự thảo dự án Luật theo hướng: Doanh nghiệp dịch vụ phải đổi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc do thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ phải đổi Giấy phép trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ hoạt động).

- Bổ nội dung số 3 Điều 1 của đề cương dự thảo quy định về thời hạn của giấy phép.

Lý do Luật hiện hành không quy định thời hạn của giấy phép, nếu Luật sửa đổi quy định thời hạn của giấy phép là tạo thêm thủ tục hành chính phải đề

nghị định đổi giấy phép khi hết hạn, trái với tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ.

- Nội dung thứ 4 Điều 1 đề cương dự thảo bò nội dung quy định về gia hạn giấy phép liên quan đến tỷ lệ lao động bô hợp đồng.

Nội dung này nên sửa thành nếu tỷ lệ lao động bô hợp đồng cao ở một mức nhất định có thể bị đình chỉ hoạt động có thời hạn.

- Bổ sung nội dung số 8 của đề cương dự thảo thêm quy định việc sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp: cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động bao gồm:

+ Trường hợp phải đưa lao động đang làm việc ở nước ngoài về nước theo chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền khi người lao động bị chết, bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, bệnh nghề nghiệp, bị xâm hại tính mạng hoặc thu nhập và điều kiện làm việc không được đảm bảo nhưng doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ.

+ Người lao động phải về nước trước thời hạn mà không phải do lỗi của người lao động mà doanh nghiệp dịch vụ không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ khoản tiền mồi giới, dịch vụ và tiền ký quỹ cho người lao động.

+ Doanh nghiệp dịch vụ thu tiền của người lao động không đưa được người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền đã thu cho người lao động.

Lý do: Luật hiện hành không quy định việc khi người lao động phải về nước trước thời hạn mà không do lỗi của người lao động, những khoản tiền mà doanh nghiệp dịch vụ phải hoàn trả cho người lao động mà doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình thì cơ quan nhà nước được sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp để thực hiện các nghĩa vụ này, do đó người lao động sẽ bị thiệt hại và không có cơ sở để cơ quan nhà nước xử lý, bù đắp thiệt hại cho họ.

- Các nội dung khác thống nhất với đề cương dự thảo.

Trên đây là một số góp ý về hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của Thanh tra, đề nghị Quý Cục tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Nhu trên;
- Lưu: TTr, CSLĐ.



Nguyễn Tiến Tùng

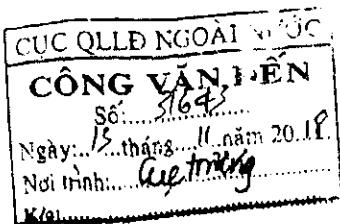
VỤ PHÁP CHẾ

9A Kee P. PCT for Cpt PC

tổng Cục, 24/11/2018

L/C/C Phuc 14/11

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2018



Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước

Trả lời Công văn số 4324/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2018 của quý Cục về việc lấy ý kiến Hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Sau khi nghiên cứu, Vụ Pháp chế có ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật như sau:

I. Đối với dự thảo Tờ trình

1. Về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật: Quý Cục cần nhắc điều chỉnh để làm rõ 3 sự cần thiết: (1) giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành; (2) đảm bảo phù hợp với xu thế dịch chuyển lao động quốc tế; (3) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2. Về mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật: Đề nghị điều chỉnh để làm rõ 3 ý: (1) Thể chế hóa các quan điểm, định hướng của Đảng; (2) Hỗ trợ, tạo điều kiện, thúc đẩy hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gắn liền với tạo việc làm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; (3) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch về điều kiện, hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; (4) Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

3. Về các chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật:

Đề nghị xem lại nội dung quy định tại mục “Nội dung của chính sách” và “Giải pháp lựa chọn và lý do lựa chọn” ở mỗi chính sách trong dự thảo Tờ trình để quy định cho phù hợp. Tại mục “Nội dung của chính sách” thì nêu tổng quát, những nội dung chính của chính sách. Tại mục “Giải pháp lựa chọn và lý do lựa chọn” thì nêu các điểm sửa cụ thể.

Ngoài ra, tại mỗi chính sách, đề nghị có một số chỉnh sửa như sau:

3.1. Chính sách 1

- Đề nghị đổi tên chính sách thành: Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Các giải pháp lựa chọn chính sách: Đề nghị sửa thành “Bổ sung các hình thức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

- Lý do lựa chọn: Đề nghị bổ sung lý do là tạo khuôn khổ pháp lý cho các hình thức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hiện nay đang thực hiện và tương lai sẽ trở nên phổ biến. Đồng thời xem xét lại lý do thứ 3 trong dự thảo Tờ trình.

3.2. Chính sách 2

- Nội dung chính sách: Đề nghị làm rõ, điều kiện nào là giữ nguyên, điều kiện nào là sửa đổi, bổ sung và sửa đổi, bổ sung theo hướng nào.

3.3. Chính sách 3

- Tên chính sách: Đề nghị sửa lại thành “Nâng cao chất lượng nguồn lao động và thay đổi cách thức, quy trình tuyển, chọn, đào tạo lao động”.

- Giải pháp lựa chọn: Đề nghị sửa lại thành: (1) Cho phép doanh nghiệp đào tạo (tự đào tạo hoặc ký hợp đồng đào tạo) người lao động trước khi đăng ký hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với đối tác nước ngoài, đồng thời phải đảm bảo đưa người lao động đã được đào tạo đi làm việc ở nước ngoài trong một thời gian nhất định; (2) Thay đổi cách thức, quy trình, thời điểm tuyển, chọn lao động, cụ thể:...

3.4. Chính sách 4

- Giải pháp lựa chọn: Đề nghị xem lại vì không liên quan đến tên, nội dung của chính sách.

3.6. Chính sách 6

- Tên chính sách: Đề nghị sửa lại tên chính sách để bao hàm cả những nội dung sửa nêu tại điểm 7 mục IV của dự thảo Tờ trình.

- Nội dung chính sách 6: Đề nghị bỏ nội dung quy định xử phạt trong Luật vì nội dung xử phạt sẽ được quy định trong pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

II. Đối với dự thảo Báo cáo tổng kết

Hiện nay tại phần đánh giá trong dự thảo Báo cáo tổng kết có đưa kinh nghiệm quốc tế vào để bổ sung cho các nhận định tổng kết. Điều này là không phù hợp với ý nghĩa, mục đích, các nội dung Báo cáo tổng kết: chỉ nên là đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Luật hiện hành trên thực tiễn và đề xuất, kiến nghị nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Các nội dung về kinh nghiệm quốc tế nên tách ra thành tài liệu tham khảo để bổ sung cho hồ sơ đề nghị.

III. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động

Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động các chính sách mới, chưa có đánh giá định lượng. Vì vậy, đề nghị quý Cục nghiên cứu đề bổ sung, tăng tính thuyết phục đối với các lựa chọn chính sách, nhất là các chính sách mà có thể tính toán định lượng được như: Tăng vốn chủ sở hữu lên 10 tỷ, tăng ký quỹ lên 2 tỷ, mở rộng phạm vi hoạt động Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước; chính sách 4 “điều chỉnh các quy định về chi phí người lao động phải nộp phù hợp với thực tế thị trường, xu hướng quốc tế, bảo đảm trách nhiệm của doanh nghiệp với người lao động.

IV. Đối với dự thảo Đề cương dự thảo Luật

Về cơ bản nội dung dự thảo Đề cương đã đảm bảo thống nhất với các chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, dự thảo Đề cương cần chi tiết hơn các nội dung từ Luật cần sửa đổi so với dự thảo Tờ trình.

Trên đây là ý kiến của Vụ Pháp chế, gửi quý Cục để tham khảo, hoàn thiện Hồ sơ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ trưởng Doãn Mậu Diệp (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Mai Đức Thiện

1/57
Kee D. DC/Đoà Cc. Thúy) :/

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM

Số: 2466/TLD
V/v góp ý hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ
sung Luật NLĐVN đi làm việc ở nước ngoài
theo hợp đồng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 12/12... Ngày: 12/12/2018

ĐỀN Ngày: 12/12/2018 Phúc đáp công văn số 4324/LĐTBXH - QLLĐNN ngày 16 tháng 10

Chuyên: năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về góp ý hồ sơ xây dựng

Công văn số: 12/12/2018 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
theo hợp đồng, sau khi nghiên cứu hồ sơ, về cơ bản Tổng Liên đoàn Lao động
Việt Nam nhất trí với dự thảo hồ sơ và có ý kiến bổ sung như sau:

1. Đề nghị bổ sung vào Tờ trình Chính phủ:

- Nội dung đánh giá cụ thể về mức độ đảm bảo các quyền của người lao
động đi làm việc ở nước ngoài về những mặt như: Chất lượng lao động; về tiếp
cận các thông tin chính thống về xuất khẩu lao động và hiểu biết của người lao
động về quá trình đi làm việc ở nước ngoài; một số vấn đề lao động gấp phải và
hỗ trợ lao động trong thời gian ở nước ngoài; việc thực hiện khiếu nại, tố cáo;
khi trở về tái hội nhập thị trường lao động trong nước...

- Những nội dung đề nghị bổ sung tại mục 3 văn bản này.

2. Bổ sung vào Báo cáo tổng kết thi hành Luật đưa người lao động đi làm
việc ở nước ngoài các nội dung sau:

Thứ nhất, Trong hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích cho lao động làm việc ở
nước ngoài, Công đoàn Việt Nam đang thiếu cơ sở pháp lý, điều kiện và phương
tiện vật chất trực tiếp can thiệp bảo vệ quyền, lợi ích cho người lao động khi bị
xâm hại. Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ đối tượng là “tổ chức cá nhân
liên quan” (như công đoàn, Hiệp hội Xuất khẩu lao động...) trong việc đại diện
bảo vệ quyền, lợi ích của NLĐ theo quy định của Hiến pháp.

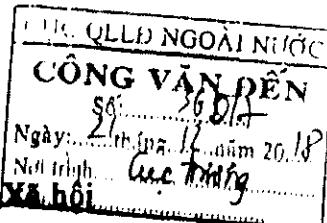
Thứ hai, chưa có cơ chế (3 bên) để giải quyết các vấn đề trong hoạt động
xuất khẩu lao động; trong đàm phán quốc gia chưa có quy định phải có sự
tham gia của công đoàn và chưa quy định phải công khai, cung cấp các hiệp
ước, hiệp định cho công đoàn biết.

Thứ ba, pháp luật hiện hành chưa xây dựng được hành lang pháp lý đầy
đủ, có khả năng bảo vệ hiệu quả cho quyền lợi của người lao động Việt Nam đi
làm việc ở nước ngoài; chưa quy định rõ việc quản lý, kiểm soát nội bộ doanh
nghiệp do đó thông tin từ doanh nghiệp không trực tiếp đến với người lao động
dẫn đến tình trạng cò mồi đưa thông tin thiếu chính xác, lừa gạt người lao
động.

Thứ tư, Pháp luật hiện hành chưa tiếp cận thông lệ quốc tế về quy định
phi tuyển dụng (do người sử dụng lao động chi trả).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2018



Thứ năm, pháp luật chưa có những cơ chế cụ thể hỗ trợ người lao động trở về tái hòa nhập: Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm cho cơ quan nào trong việc thống kê, tổng hợp, đánh giá nguồn lực lao động đi làm việc ở nước ngoài trở về; chưa có chính sách về thực hiện đào tạo lại hoặc bồi dưỡng kiến thức khởi sự DN cho những NLĐ trở về; chưa có quy định cụ thể trong việc tư vấn, giúp đỡ NLĐ trở về gặp khó khăn, nhất là LĐ nữ, LĐ về trước hạn do rủi ro...

3. Bổ sung một số kiến nghị đề xuất vào Đề cương Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài một số nội dung như sau:

a) Về phạm vi điều chỉnh của Luật

Bổ sung phạm vi, đối tượng về lao động qua biên giới làm việc, và sửa đổi Điều 1 để Luật có thể quy định về cơ chế 3 bên liên quan đến các vấn đề được luật quy định

b) Đề nghị thiết lập cơ chế hoạt động ba bên về vấn đề người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với thành phần và nội dung sau: Đại diện đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ - Bộ Lao động – Tổng Liên đoàn trong: 1. Xây dựng chính sách, pháp luật; 2. Tổ chức thực hiện CSPL; 3. Kiểm tra, giám sát; 4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; 5. Tổng kết đánh giá; 6. Sửa đổi bổ sung CSPL.

Cần có thêm một điều quy định việc thành lập một Hội đồng ba bên bao gồm Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hiệp hội XKLD/Phòng TMCNVN và các cơ quan có liên quan của Chính phủ. Hội đồng này sẽ họp hai lần mỗi năm để trao đổi các vấn đề chính liên quan đến lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Các nội dung có thể được đưa ra thảo luận tại cuộc họp Hội đồng ba bên gồm: cập nhật tình hình hợp tác song phương và rà soát lại việc triển khai thực hiện các Bản Ghi nhớ; xu hướng di cư lao động; những chính sách quan trọng liên quan đến di cư lao động.

c) Đề nghị bổ sung quy định rõ về vai trò của công đoàn trong việc tham gia quản lý nhà nước với tư cách là một chủ thể đứng ra bảo vệ quyền, lợi ích cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cụ thể:

- Trước khi đi làm việc ở nước ngoài:

Bổ sung điều khoản mới quy định công đoàn cùng cơ quan quản lý Nhà nước thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình tuyển chọn, quá trình đào tạo, giáo dục định hướng; Công đoàn được tham gia quá trình đàm phán, ký kết các cam kết quốc tế, hiệp ước quốc tế, kết quả đàm phán, ký kết phải công khai gửi công đoàn và Hiệp hội Xuất khẩu lao động

- Cần quy định đối với đơn vị dịch vụ xuất khẩu lao động bảo đảm điều kiện tối thiểu đối với cơ sở, trung tâm đào tạo, giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: về cơ sở vật chất, giáo trình, giảng viên, vai trò tham gia thanh tra, kiểm tra giám sát của tổ chức công đoàn

Đối với việc tuyển dụng lao động cần quy định rõ trách nhiệm quản lý, kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp nhằm đảm bảo thông tin từ doanh nghiệp phải trực tiếp tới người lao động theo nguyên tắc doanh nghiệp tuyển dụng trực tiếp người lao động không qua trung gian.

Làm rõ các quy định liên quan đến chi phí đi làm việc ở nước ngoài, xây dựng mức trần chi phí cho từng thị trường, thời điểm doanh nghiệp được phép thu tiền của người lao động, không được phép thu tiền của người lao động khi chưa ký kết hợp đồng.

Về ký hợp đồng dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Cần quy định người lao động được nhận dự thảo hợp đồng dịch vụ trước khi ký; thời điểm ký hợp đồng cách thời điểm xuất cảnh đảm bảo để người lao động có đủ thời gian nghiên cứu hiểu kỹ các nội dung trong hợp đồng (hiện nay luật quy định doanh nghiệp dịch vụ ký hợp đồng với người lao động ít nhất 5 ngày trước khi người lao động xuất cảnh là chưa phù hợp)

- Quyền được hỗ trợ người lao động trong việc đàm phán ký kết hợp đồng với đơn vị tuyển dụng.

- Kết thúc đào tạo có kiểm tra sát hạch, lưu hồ sơ, cấp giấy chứng nhận đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Xác định lại cơ chế quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước gồm 3 bên để đảm bảo việc sử dụng của Quỹ được hiệu quả, đạt được mục đích đã đề ra. Trong đó cần quy định công đoàn tham gia thành viên Hội đồng quản lý quỹ, tham gia thanh tra, kiểm tra giám sát việc thu nộp, sử dụng Quỹ.

- Cần quy định bảo lãnh về nhân thân (về trách nhiệm của gia đình đối với việc người lao động thực hiện hợp đồng dịch vụ).

- Đề nghị bổ sung quy định rõ về vai trò của các tổ chức có liên quan trong việc tham gia quản lý nhà nước, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát và quy định quy trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- *Trong quá trình quản lý lao động ở nước ngoài:* Quy định Tổng LĐLĐ Việt Nam thông qua việc mở rộng hoạt động đối ngoại với công đoàn nước sở tại để phối hợp đấu tranh, thương lượng, yêu cầu chủ sử dụng lao động thực hiện đúng hợp đồng lao động và pháp luật lao động, các tiêu chuẩn lao động quốc tế về lao động nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Nhà nước tạo điều kiện bố trí cán bộ công đoàn tại đại sứ quán để là đầu mối tuyên truyền, giáo dục, tiếp nhận thông tin giải quyết tranh chấp.

Bổ sung điều khoản mới quy định việc cung cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hợp đồng giữa người lao động và chủ sử dụng lao động nước ngoài nhằm phát hiện kịp thời những điều khoản có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về đưa người lao động VN đi làm việc ở nước ngoài để kịp thời điều chỉnh trong đó bao gồm:

Quyền được yêu cầu/chất vấn hợp đồng của người lao động, điều kiện làm việc hoặc các quyền lợi khác khi ở nước ngoài hoặc yêu cầu/chất vấn khác đối với trường hợp lao động đang ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

Quyền được yêu cầu thông tin/hỗ trợ từ các đơn vị tuyển dụng khi được người lao động tuyển từ công ty đó ủy quyền (hoặc người nhà trong trường hợp lao động không thể thực hiện thủ tục ủy quyền).

- Sau khi về nước: Giám sát quá trình thanh lý hợp đồng đối với người lao động và hỗ trợ lao động trở về và tái hòa nhập cộng đồng theo quy định của pháp luật.

d) Quyền tiếp cận người lao động trong quá trình doanh nghiệp dịch vụ/tuyển dụng, giáo dục định hướng, ký các hợp đồng theo luật định.

- Quyền được tiếp cận hoạt động của doanh nghiệp để giám sát các hoạt động, gặp gỡ với người lao động; dù các khoá bồi dưỡng kiến thức cần thiết.

e) Khiếu nại, tố cáo:

Quyền giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của người lao động và các cơ quan thẩm quyền (Cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, với các cơ quan có thẩm quyền và với doanh nghiệp dịch vụ...), (có thể cần có thêm một mục về nội dung này trong Điều 44).

f) Hợp đồng cá nhân:

Quyền được hỗ trợ người lao động tiếp cận dịch vụ xuất khẩu lao động đúng quy định của pháp luật, hỗ trợ người lao động trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh khi có yêu cầu v.v...

4. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách: Trên cơ sở những nội dung đề nghị bổ sung trên, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào Báo cáo đánh giá tác động.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đề nghị Quý Bộ xem xét hoàn chỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ./

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB & XH;
- Lưu VT, Ban CSKTXH & TĐKT.

